

# TIP TOP CEMENT PC-4



## Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)  
Ngày phát hành: 04/05/2007 Ngày sửa đổi: 27/10/2022 Thay thế phiếu: 21/05/2019 Phiên bản: 2.4  
Số Phiếu An toàn Dữ liệu: 00156-0115

### MỤC 1: Định dạng

#### 1.1. Thông tin nhận dạng sản phẩm theo GHS

Hình thức sản phẩm : Hỗn hợp  
Tên sản phẩm : TIP TOP CEMENT PC-4  
Mã sản phẩm : 532 0352, 532 0369, 532 0372

#### 1.2. Các phương tiện xác nhận khác

Hiện chưa có thông tin bổ sung.

#### 1.3. Sử dụng được khuyến nghị hóa chất và các hạn chế khi sử dụng

Khuyến cáo sử dụng : Chất kết dính

#### 1.4. Thông tin nhà cung cấp

REMA TIP TOP AG  
Gruber Strasse, 65  
85586 Poing  
Đức  
T +49 (0) 8121 / 707 - 100  
Địa chỉ e-mail của người chịu trách nhiệm có thẩm quyền về Phiếu An toàn Hóa chất: sds@gbk-ingelheim.de

#### 1.5. Số gọi trường hợp khẩn cấp

Số khẩn cấp : INTERNATIONAL: +49 (0) 6132 - 84463, GBK GmbH (24h - 7d/w - 365d/a)

### MỤC 2: nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

#### 2.1. Phân loại chất hay hỗn hợp chất

##### Phân loại theo GHS Liên Hiệp Quốc

Chất lỏng dễ cháy, Nhóm 2	H225	Theo các dữ liệu kiểm tra
Tổn hại mắt/kích ứng mắt nghiêm trọng, Nhóm 2	H319	Phương pháp tính
Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể – Phơi nhiễm một lần, Nhóm 3, Gây mê	H336	Phương pháp tính

Văn bản các hạng mục nguy hiểm H : xem Mục 16  
Tác dụng hóa lý có hại ảnh hưởng đến sức khỏe con người và môi trường : Chất lỏng và hơi dễ bắt cháy, Gây kích ứng mắt nghiêm trọng, Có thể gây ngủ gật hoặc choáng váng

#### 2.2. Yếu tố dán nhãn GHS, bao gồm các khuyến nghị cảnh giác

##### Dán nhãn theo GHS Liên Hiệp Quốc

Chữ tượng hình cảnh báo nguy hiểm (GHS-UN) :



Từ cảnh báo (GHS UN) : Nguy hiểm  
Các thành phần nguy hiểm : Butanon  
Cảnh báo nguy cơ (GHS LHQ) : H225 - Chất lỏng và hơi dễ bắt cháy  
H319 - Gây kích ứng mắt nghiêm trọng  
H336 - Có thể gây ngủ gật hoặc choáng váng  
Thông báo phòng ngừa (GHS-UN) : P210 - Giữ tránh xa nhiệt độ cao, các bề mặt nóng, tia lửa, ngọn lửa hoặc các nguồn bắt cháy khác.  
Không hút thuốc.  
P233 - Giữ vật chứa đóng chặt kín.  
P280 - Mang Găng tay, quần áo bảo hộ, thiết bị bảo hộ mắt, thiết bị bảo hộ mặt.  
P303+P361+P353 - NẾU DÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Cởi ngay toàn bộ quần áo bị nhiễm bẩn. Rửa sạch các chỗ bị ảnh hưởng bằng nước .

# TIP TOP CEMENT PC-4

## Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)  
Số Phiếu An toàn Dữ liệu: 00156-0115

P304+P340 - Trong trường hợp hít phải và nếu có triệu chứng khó thở, đưa nạn nhân ra khu vực thoáng khí và giữ nạn nhân nằm nghỉ ở tư thế dễ thở nhất.  
P403+P233 - Kho trữ tại nơi có thông gió tốt. Giữ thùng chứa đóng chặt và kín.

### 2.3. Nguy cơ khác không dẫn đến việc phân loại

Những nguy cơ khác, không ảnh hưởng đến việc phân loại : Các hơi có thể tạo thành hỗn hợp gây nổ khi tiếp xúc với không khí

## MỤC 3: Thành phần/thông tin về thành phần

### Hỗn hợp

Nhận xét : Chế phẩm từ :  
Butanon

Tên	Nhận dạng sản phẩm	%	Phân loại theo GHS Liên Hiệp Quốc
Butanon	Số CAS: 78-93-3	≥ 80 – < 85	Flam. Liq. 2, H225 Eye Irrit. 2, H319 STOT SE 3, H336

Văn bản các câu H: tham khảo mục 16

## MỤC 4: Sơ cứu

### 4.1. Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Sơ cứu tổng quát : Cờ bỏ ngay tất cả mọi quần áo bị vấy bẩn hoặc vương đổ. Nếu các triệu chứng kéo dài, hãy tham khảo ý kiến bác sĩ.  
Sơ cứu trong trường hợp hít phải : Đòi ra khu vực thông thoáng khí trong trường hợp hít phải hơi của sản phẩm phân hủy. Nếu các triệu chứng kéo dài, hãy tham khảo ý kiến bác sĩ.  
Sơ cứu trong trường hợp tiếp xúc với da : Rửa ngay với xà phòng và với nhiều nước. Nếu da vẫn tiếp tục bị kích ứng, tham khảo ngay ý kiến của bác sĩ.  
Sơ cứu khi có tiếp xúc với mắt : Rửa ngay lập tức bằng nhiều nước, kể cả vùng dưới mí mắt, trong ít nhất 15 phút. Tham khảo ý kiến bác sĩ mắt.  
Sơ cứu trong trường hợp nuốt phải : Không làm nôn. Súc miệng bằng nước. Cho uống thật nhiều nước. Tuyệt đối không cho bất cứ thứ gì vào miệng người đang bất tỉnh. Thông báo ngay cho bác sĩ. Không tự ý cho ói mà không có ý kiến của bác sĩ.

### 4.2. Triệu chứng và tác động chính (nghiêm trọng và trì hoãn)

Triệu chứng/tác dụng sau khi hít phải : Có thể gây ngứa gât hoặc choáng váng.  
Triệu chứng/tác dụng sau khi tiếp xúc với da : Phơi nhiễm lặp lại có thể gây khô và tróc da.  
Triệu chứng/tác dụng sau khi tiếp xúc với mắt : Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.  
Triệu chứng/tác dụng sau khi nuốt phải : Có thể gây kích ứng hệ thống tiêu hóa, gây buồn nôn, ói, tiêu chảy.  
Tác dụng tiêu cực trên sức khỏe của con người và các triệu chứng có thể xảy ra : Hơi ở lượng cô đặc lớn có thể gây: đau đầu, chóng mặt, buồn nôn. Nuốt phải có thể gây kích ứng dạ dày, buồn nôn, nôn mửa và tiêu chảy.

### 4.3. Thông tin về các biện pháp sơ cấp cứu và các phương pháp xử lý cần thiết

Điều trị triệu chứng.

## MỤC 5: Phương pháp cứu hỏa

### 5.1. Biện pháp dập lửa thích hợp

Chất chữa cháy thích hợp : Bọt kháng rượu. Nước phun. Bọt khô. Cacbon dioxit.  
Tác nhân tiêu hủy không tương ứng : nhiều nước dưới dạng tia.

### 5.2. Các mối nguy hiểm cụ thể phát sinh từ hóa chất

Nguy cơ hỏa hoạn : Chất lỏng và hơi dễ bắt cháy.

# TIP TOP CEMENT PC-4

## Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)  
Số Phiếu An toàn Dữ liệu: 00156-0115

Nguy cơ nổ : Sản phẩm không gây nổ. Có thể tạo thành hỗn hợp hơi/không khí dễ nổ.  
Sản phẩm phân hủy nguy hiểm trong trường hợp có hỏa hoạn : Trong trường hợp có hỏa hoạn: Hình thành các sản phẩm phân hủy nguy hiểm. Cacbon monoxit. Cacbon đioxit. Oxit nitơ.

### 5.3. Biện pháp bảo vệ đặc biệt đối với nhân viên cứu hỏa

Biện pháp phòng chống cháy : Làm mát vật chứa bị nguy hiểm bằng phun phụt nước.  
Hướng dẫn cứu hỏa : Dập lửa từ khoảng cách xa do nguy cơ gây nổ.  
Biện pháp bảo hộ khi có hỏa hoạn : Không can thiệp khi không được trang bị bảo hộ thích hợp. Thiết bị thở độc lập. Quần áo bảo hộ toàn thân.  
Các thông tin khác : Hơi nặng hơn không khí và có thể lan tỏa gần mặt đất. Chất cặn từ đám cháy và nước chữa cháy bị ô nhiễm phải được thải bỏ tuân theo những quy định của cơ quan địa phương. Không để nước chữa cháy chảy vào hệ thống cống rãnh, đất hoặc các nguồn nước. Do đó, cần đảm bảo có biện pháp thích hợp để thu gom đầy đủ nước chữa cháy.

## MỤC 6: Biện pháp cần áp dụng trong trường hợp có vương đổ

### 6.1. Biện pháp bảo hộ cá nhân, thiết bị bảo hộ và biện pháp cấp cứu

Biện pháp chung : Trong trường hợp có gây hơi, cần sử dụng máy hỗ trợ hô hấp thích hợp. Đảm bảo thông thoáng gió hợp lý. Tránh xa mọi nguồn bắt cháy. Sử dụng quần áo bảo hộ cá nhân.

#### 6.1.1. Dành cho cá nhân không mang chức năng cứu hộ

Biện pháp cấp cứu : Thông gió khu vực có sản phẩm vương đổ.

#### 6.1.2. Dành cho cứu hộ viên

Thiết bị bảo hộ : Không can thiệp khi không được trang bị bảo hộ thích hợp. Để biết thêm chi tiết, tham khảo mục 8 "Giới hạn tiếp xúc-an toàn cá nhân".

### 6.2. Biện pháp bảo vệ môi trường

Không để xả thải vào hệ thống cống rãnh/nước mặt/nước ngầm.

### 6.3. Phương pháp và thiết bị chứa và vệ sinh

Dùng để chứa : Thu hồi sản phẩm bị vương đổ.  
Quy trình làm sạch : Thấm bằng sản phẩm thấm hút trơ (ví dụ như cát, bột, chất dính thông dụng, chất gel silica). Quét hoặc dọn sạch bằng xẻng, cho vào bình đóng kín để tiến hành tiêu hủy.  
Các thông tin khác : Tiêu hủy các vật liệu hoặc cặn rắn tại cơ sở được cấp phép.

## MỤC 7: Thao tác và lưu trữ

### 7.1. Biện pháp phòng ngừa cần có cho thao tác an toàn

Biện pháp phòng ngừa cần có cho thao tác an toàn : Vô cùng cẩn trọng tránh phóng điện tĩnh. Không hút thuốc. Tránh xa nguồn nhiệt và nguồn gây cháy. Tránh tiếp xúc với da, mắt hoặc quần áo. Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm trên. Đảm bảo thông thoáng nơi làm việc. Bảo quản thùng chứa đóng kín. Sử dụng thiết bị chống nổ.  
Biện pháp vệ sinh : Không hít hơi. Tránh tiếp xúc với da, mắt hoặc quần áo. Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm trên. Rửa tay sau mỗi lần thao tác.

### 7.2. Điều kiện cần để đảm bảo an toàn lưu trữ, bao gồm cả khả năng không tương hợp

Điều kiện lưu trữ : Bảo quản tránh xa mọi nguồn bắt cháy. Kho trữ tại nơi có thông gió tốt. Bảo quản lạnh. Bảo quản thùng chứa đóng kín. Khóa lại.  
Chất không tương hợp : Tham chiếu Mục 10 trong Danh mục vật liệu không tương thích.  
Thông tin về việc bảo quản lẫn lộn : Bảo quản tránh xa thức ăn và nước uống, kể cả thực phẩm dành cho động vật.

# TIP TOP CEMENT PC-4

## Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)  
Số Phiếu An toàn Dữ liệu: 00156-0115

### MỤC 8: Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

#### 8.1. các thông số kiểm soát

Phương pháp theo dõi điện từ	
Phương pháp theo dõi điện từ	Không có phương pháp lấy mẫu mức độ phơi nhiễm cụ thể.
Phương pháp giám sát sinh học	Không có phương pháp lấy mẫu mức độ phơi nhiễm cụ thể

#### 8.2. Kiểm soát kỹ thuật phù hợp

Kiểm tra kỹ thuật theo quy định	: Đảm bảo thông thoáng nơi làm việc.
Kiểm soát mức độ phơi nhiễm với môi trường	: Tránh thải ra môi trường.
Các thông tin khác	: Không hít hơi. Hãy rửa tay trước khi nghỉ giải lao và khi kết thúc ca làm việc. Rửa tay ngay sau khi thao tác với sản phẩm. Không ăn, uống và không hút thuốc khi thao tác. Sau đó thoa kem dưỡng da.

#### 8.3. Biện pháp bảo hộ cá nhân/Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ tay	: Khuyến nghị này chỉ đề cập đến tính tương thích hóa học và thử nghiệm trong phòng thí nghiệm phù hợp với EN 374 được thực hiện trong các điều kiện phòng thí nghiệm. Tùy thuộc vào từng ứng dụng, các yêu cầu khác nhau có thể phát sinh. Vì vậy cần lưu ý đến các khuyến nghị của nhà cung cấp găng tay.
------------	---

Loại	Vật liệu	Quá trình thẩm thấu	Độ dày (mm)	Việc thâm nhập	Tiêu chuẩn
Găng bảo hộ kháng hóa chất	Cao su butyl	5 (> 240 phút)	≥ 0.7		EN ISO 374

Bảo vệ mắt	: Chai rửa mắt chứa nước sạch (EN 15154)
------------	--

Loại	Lĩnh vực áp dụng	Đặc tính	Tiêu chuẩn
Mắt kính bảo hộ (EN 166)	Có thể xảy ra hiện tượng bắn chất lỏng		EN 166

Bảo vệ da và cơ thể	:
---------------------	---

Loại	Tiêu chuẩn
Quần áo bảo hộ tay dài	EN ISO 6530

Bảo vệ đường hô hấp	: Trong trường hợp thông gió không đủ, mang thiết bị hỗ trợ hô hấp thích hợp.
---------------------	---

Thiết bị	Loại lọc	Điều kiện	Tiêu chuẩn
Thiết bị bảo hộ hô hấp có lọc chống khí	Loại A		EN 14387

#### 8.4. Giới hạn phơi nhiễm của các thành phần khác

Hiện chưa có thông tin bổ sung.

### MỤC 9: đặc tính lý, hóa của hóa chất

#### 9.1. Tính chất lý hóa cơ bản

Trạng thái vật lý	: Chất lỏng
Hình dạng	: Chất lỏng
Màu sắc	: Màu vàng.
Mùi đặc trưng	: Có mùi xeton.
Ngưỡng mùi	: Không có
Điểm nóng chảy	: Không có
Điểm đóng băng	: Không có
Điểm sôi	: ≈ 80 °C
Tính dễ bắt lửa	: Không áp dụng được.
Giới hạn nổ dưới	: 1,8 Vol-%
Giới hạn nổ trên	: Không có
Điểm cháy	: -4 °C
Nhiệt độ tự cháy	: 514 °C

# TIP TOP CEMENT PC-4

## Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)  
Số Phiếu An toàn Dữ liệu: 00156-0115

Nhiệt độ phân hủy	: Không có
pH	: Không có
dung dịch pH	: Không có
Độ nhớt, động học (giá trị được tính) (40 °C)	: Không có
Hệ số phân chia n-octanol/nước (Log Kow)	: Không có
Áp suất hóa hơi	: ≈ 101 hPa @ 20 °C
Áp suất hơi ở 50°C	: Không có
Mật độ	: 0,83 g/cm <sup>3</sup> @ 20 °C
Mật độ tương đối	: Không có
Mật độ hơi nước tương đối ở 20°C	: Không có
Độ hòa tan	: Có thể hoà tan một phần. ở 20°C. Nước: 350 g/l
Kích cỡ hạt	: Không áp dụng được.

### 9.2. Dữ liệu liên quan đến các nhóm nguy hại về mặt vật lý (bổ sung)

Đặc tính nổ	: Sản phẩm không gây nổ. Có thể tạo hỗn hợp hơi/không khí dễ cháy hoặc gây nổ
Tính chất gây cháy	: Không oxy hóa
Lượng VOC	: < 85 %
Thông tin bổ sung	: Hàm lượng dung môi < 85%. Thí nghiệm tách dung môi (%) 0

## MỤC 10: mức ổn định và phản ứng của hóa chất

### 10.1. Phản ứng

Không xảy ra phân hủy nếu bảo quản và sử dụng đúng cách.

### 10.2. Tính ổn định hóa học

Ổn định trong điều kiện bình thường.

### 10.3. Có khả năng phản ứng gây nguy hiểm

chất gây cháy.

### 10.4. Điều kiện cần tránh

Hỗn hợp không khí/hơi có thể gây nổ trong trường hợp sưởi quá nóng. Khi bị đun nóng, có thể giải phóng các hơi dễ cháy.

### 10.5. Chất không tương hợp

Chất oxy hóa.

### 10.6. Sản phẩm phân hủy nguy hiểm

Không có sản phẩm phân hủy nguy hiểm được biết đến. Phân hủy nhiệt có thể tạo : Oxit cacbon (CO, CO<sub>2</sub>). Oxit nitơ.

## MỤC 11: Thông tin về độ độc

### 11.1. Thông tin về các tác dụng gây độc

Độ độc cấp tính (qua đường tiêu hóa)	: Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Độ độc cấp tính (qua da)	: Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Độ độc cấp tính (qua đường hô hấp)	: Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)

Butanon (78-93-3)	
LD50 qua tiêu hóa chuột	> 2193 mg/kg (phương pháp OECD 423)
LD50 qua da thỏ	> 5000 mg/kg (phương pháp OECD 402)
LC50 Hít - Chuột	34 mg/l (4 h)

# TIP TOP CEMENT PC-4

## Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)  
Số Phiếu An toàn Dữ liệu: 00156-0115

Ấn mòn da/kích ứng da	: Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Tồn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt	: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
Nhạy cảm đường hô hấp hoặc trên da	: Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Tính gây đột biến trên các tế bào mầm	: Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Khả năng gây ung thư	: Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Mức độc tính trên khả năng sinh sản	: Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Mức độc tính đặc biệt trên một số cơ quan (tiếp xúc một lần)	: Có thể gây ngủ gật hoặc choáng váng.
Mức độc tính đặc biệt trên một số cơ quan (tiếp xúc lặp lại)	: Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Nguy cơ khi hít phải	: Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Tác dụng tiêu cực trên sức khỏe của con người và các triệu chứng có thể xảy ra	: Hơi ở lượng cô đặc lớn có thể gây: đau đầu, chóng mặt, buồn nôn. Nuốt phải có thể gây kích ứng dạ dày, buồn nôn, nôn mửa và tiêu chảy.

## MỤC 12: Thông tin sinh thái

### 12.1. Độ độc tính

Nguy hại cho môi trường thủy sinh, ngắn hạn (cấp)	: Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng).
Nguy hại cho môi trường thủy sinh, lâu dài (mãn)	: Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng).

TIP TOP CEMENT PC-4	
EC50 96h - Tảo [1]	> 10000 mg/l
Butanon (78-93-3)	
LC50 cá 1	2993 mg/l 96 h, Pimephales promelas
EC50 Daphnia 1	308 mg/l 48 h, Daphnia magna (bộ chết nước)
EC50 72h - Tảo [1]	1972 mg/l 72 h, Pseudokirchneriella subcapitata, (phương pháp OECD 201)

### 12.2. Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

TIP TOP CEMENT PC-4	
Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy	Không có thông tin.

### 12.3. Khả năng tích lũy sinh học

TIP TOP CEMENT PC-4	
Khả năng tích lũy sinh học	Không có thông tin.
Butanon (78-93-3)	
Hệ số phân chia n-octanol/nước (Log Kow)	0,3 (40 °C)
Khả năng tích lũy sinh học	Không có tiềm năng tích lũy sinh học.

### 12.4. Tính lưu động dưới đất

TIP TOP CEMENT PC-4	
Tính lưu động dưới đất	Hiện chưa có thông tin bổ sung.
Sinh thái - đất	Không có thông tin.

# TIP TOP CEMENT PC-4

## Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)  
Số Phiếu An toàn Dữ liệu: 00156-0115

### 12.5. Các tác dụng có hại khác

Ozon	: Không phân loại (Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng)
Các tác dụng có hại khác	: Hiện chưa có thông tin bổ sung.
Các thông tin khác	: Không đổ vào hệ thống nước bề mặt và cống rãnh. Nếu xử lý đúng quy định, không có tác động tiêu cực nào đến môi trường được biết đến hay dự kiến xảy ra.




## MỤC 13: Được xem như dành cho xử lý phân hủy

### 13.1. Quy trình tiêu hủy

Phương pháp xử lý chất thải	: Khuyến khích tái chế thay cho tiêu hủy hoặc thiêu hủy. Có thể được thiêu hủy theo quy định hiện hành của cấp chính quyền địa phương. Tiêu hủy sản phẩm/bình chứa theo đúng hướng dẫn phân loại của bên xử lý được công nhận.
Các khuyến cáo về việc xử lý sản phẩm/bao bì	: Bao bì không thể làm sạch sẽ được xử lý chất thải như chính chất đó. Bao bì bị nhiễm bẩn nên được làm rỗng tối đa, sau đó có thể tái sử dụng sau khi làm sạch thích hợp. Giao nộp các thùng chứa rỗng cho cơ sở tái chế, thu hồi hoặc xử lý chất thải tại địa phương.

## MỤC 14: Thông tin việc vận chuyển

Phù hợp với UN RTDG / IMDG / IATA

UN RTDG	IMDG	IATA
<b>14.1. Số hiệu UN</b>		
1133	1133	1133
<b>14.2. Tên mã UN</b>		
ADHESIVES	ADHESIVES	Adhesives
<b>14.3. Phân loại nguy hiểm cho việc vận chuyển</b>		
3	3	3
		
<b>14.4. Phân nhóm đóng gói</b>		
II	II	II
<b>14.5. Ảnh hưởng đến môi trường</b>		
Nguy hiểm cho môi trường: Không	Nguy hiểm cho môi trường: Không Ô nhiễm biển: Không	Nguy hiểm cho môi trường: Không
Không có thông tin bổ sung		

### 14.6. Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng

#### UN RTDG

Số lượng giới hạn (UN RTDG)	: 5L
Số lượng loại trừ (UN RTDG)	: E2
Hướng dẫn đóng gói (UN RTDG)	: P001, IBC02
Quy định đặc biệt liên quan đến việc đóng gói (UN RTDG)	: PP1
Hướng dẫn đặc biệt cho xe chở cơ động và công-te-nơ hàng (UN RTDG)	: T4
Quy định đặc biệt cho xe chở cơ động và công-te-nơ hàng (UN RTDG)	: TP1, TP8

# TIP TOP CEMENT PC-4

## Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)  
Số Phiếu An toàn Dữ liệu: 00156-0115

### IMDG

Quy định về vận chuyển (IMDG)	: Vận chuyển theo phần 2.3.2.5 của IMDG (chất nhớt) có thể được áp dụng
Số lượng hạn chế (IMDG)	: 5 L
Số lượng ngoại lệ (IMDG)	: E2
Hướng dẫn đóng gói (IMDG)	: P001
Quy định đặc biệt về bao bì (IMDG)	: PP1
Hướng dẫn đóng gói bao bì IBC (IMDG)	: IBC02
Hướng dẫn cho bể chứa (IMDG)	: T4
Bố trí chuyên biệt cho xe chứa (IMDG)	: TP1, TP8
Hạng mục hàng hóa (IMDG)	: B

### IATA

PCA Số lượng ngoại lệ (IATA)	: E2
PCA Số lượng hạn chế (IATA)	: Y341
PCA số lượng hạn chế thực tối đa (IATA)	: 1L
PCA quy chế đóng gói (IATA)	: 353
PCA số lượng thực tối đa (IATA)	: 5L
CAO quy chế đóng gói (IATA)	: 364
CAO số lượng thực tối đa (IATA)	: 60L
Bố trí đặc biệt (IATA)	: A3
Mã ERG (IATA)	: 3L

### 14.7. Vận chuyển xô theo các văn kiện của IMO (Tổ chức Hàng hải Quốc tế)

Không áp dụng được.

## MỤC 15: Thông tin hợp pháp

### 15.1. Quy định/pháp chế chuyên biệt về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với các chất hay hỗn hợp chất

Hiện chưa có thông tin bổ sung.

## MỤC 16: Các thông tin khác

Ngày phát hành	: 04/05/2007
Ngày sửa đổi	: 27/10/2022
Thay thế phiếu	: 21/05/2019

Các thông tin khác : Một số thông tin trong các mục từ 4 đến 8 và 10 đến 12 không đề cập đến việc sử dụng và ứng dụng đúng cách của sản phẩm (xem hướng dẫn sử dụng/thông tin từ chuyên gia), mà nói về việc thải ra số lượng lớn sản phẩm này trong trường hợp xảy ra tai nạn và bất thường. Thông tin chi mô tả các yêu cầu an toàn của (các) sản phẩm và dựa trên hiểu biết và dữ liệu hiện tại của chúng tôi. Thông số kỹ thuật giao hàng có thể được tìm thấy trong các bảng dữ liệu sản phẩm tương ứng. Thông tin này không cấu thành sự đảm bảo về các đặc tính của (các) sản phẩm được mô tả theo định nghĩa của các quy định bảo hành theo luật định.

### Tên viết tắt và rút ngắn:

ADR	Hiệp định Châu Âu về việc vận chuyển quốc tế Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường bộ
ADN	Hiệp định Châu Âu về việc vận chuyển quốc tế Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường biển
IATA	Hiệp hội Vận chuyển Hàng không Quốc tế
IMDG	Hàng hóa Nguy hiểm Đường biển Quốc tế
RID	Quy định Quốc tế về việc vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng đường sắt
DOT	Bộ Giao thông Vận tải
TDG	Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm
REACH	Việc đăng ký, đánh giá, cấp phép và các hạn chế của các chất hóa học, Quy định (EC) REACH No 1907/2006

# TIP TOP CEMENT PC-4

## Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)  
Số Phiếu An toàn Dữ liệu: 00156-0115

Tên viết tắt và rút ngắn:	
GHS	Hệ thống hài hoà toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hoá chất
IARC	Cơ quan Quốc tế Nghiên cứu về Ung thư
vPvB	Kéo dài và tích lũy sinh học rất nhiều
PBT	Kéo dài, tích tụ sinh học và gây độc
PNEC	Nồng độ Dự báo không gây hại
CAS	Số CAS (Dịch vụ Tóm tắt Hoá chất)
IBC-Code	Quy định an toàn quốc tế đối với việc vận chuyển hóa chất nguy hiểm và các chất lỏng có hại như hàng rời trong vận chuyển hàng hải
ATE	Đánh giá độc tính cao
Phân Loại, Ghi Nhãn và Đóng Gói	Quy định liên quan đến việc phân loại, dán nhãn và bao bì, quy định (EC) n° 1272/2008
BCF	Chỉ số nồng độ sinh học
MARPOL 73/78	Công ước Quốc tế về việc hạn chế ô nhiễm do tàu thủy gây ra (MARPOL)
ADG	Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm của Úc (ADG)
Bản đầy đủ của các câu H:	
Eye Irrit. 2	Tồn hại mắt/kích ứng mắt nghiêm trọng, Nhóm 2
Flam. Liq. 2	Chất lỏng dễ cháy, Nhóm 2
STOT SE 3	Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể – Phơi nhiễm một lần, Nhóm 3, Gây mê
H225	Chất lỏng và hơi dễ bắt cháy
H319	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng
H336	Có thể gây ngù gật hoặc choáng váng

Các thông tin trong phiếu dữ liệu an toàn trên được thực hiện dựa trên hiểu biết của chúng tôi để phục vụ cho sức khỏe, an toàn và môi trường. Các thông tin trên không thể được nhầm lẫn với bất kỳ đảm bảo nào cho bất kỳ đặc tính nào của sản phẩm.